

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-PT

Ngày 07- 5- 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Phách;
Bà Nguyễn Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Biểu- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2024/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”.

Do Bản án số 56/2023/HNGĐ-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4882/2024/QĐ-PT ngày 22/04/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Đình K, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn Z, xã Tân D, huyện Đ, tỉnh H (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn Z, xã Tân D, huyện Đ, tỉnh H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Lê Đình K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đình K và chị Nguyễn Thị L tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/02/2013 tại UBND xã Đức Long (nay là xã Tân D), huyện Đ, tỉnh H. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một con chung. Tuy nhiên, từ ngày anh Lê Đình K đi lao động tự do tại Hàn Quốc thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tình cảm ngày càng phai nhạt, vợ chồng thiếu sự thấu hiểu đồng cảm và không còn tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể khắc phục nên anh Lê Đình K đã đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Lê Đình K và chị Nguyễn Thị L có con chung là cháu Lê Thị Khánh V, sinh ngày 13/10/2013, hiện cháu đang sống cùng với mẹ và ông bà ngoại nên anh K đề nghị giao con chung cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng.

Quá trình làm việc anh K thống nhất cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Đình K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo nội dung các tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L thống nhất việc giao con chung là cháu Lê Thị Khánh V, sinh ngày 13/10/2013 cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và đề nghị anh Lê Đình K cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng và nhận cấp dưỡng 1 lần.

Về tài sản chung: Quá trình làm việc, chị Nguyễn Thị L cho biết trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có tài sản chung là ki ốt trị giá 127.930.000 đồng và công trình vệ sinh trên đất bố mẹ chồng trị giá 45.250.000 đồng tại thôn Z, xã Tân D, huyện Đ, tỉnh H có tổng trị giá 173.180.000 đồng.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L cho biết vợ chồng nợ chị Nguyễn Thị L1 200.000.000 đồng, nợ chị Nguyễn Thị L2 100.000.000 đồng và một số khoản nợ bên nhà ngoại.

Tại Bản án số 56/2023/HNGĐ-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Áp dụng các Điều 33, 38, khoản 1 Điều 51, Điều 56, 59, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Đình K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đình K được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thị Khánh V, sinh ngày 13/10/2013 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Lê Đình K cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Chấp nhận việc chia đôi tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn là 173.180.000 đồng. Giao cho anh Lê Đình K quản lý ki ốt và công trình vệ sinh trên đất của bố mẹ anh K tại thôn Z, xã Tân D, huyện Đ, tỉnh H. Buộc anh Lê Đình K phải đưa cho chị Nguyễn Thị L 86.590.000 đồng tương đương $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung vợ chồng.

- Về nợ chung: Các khoản nợ mà chị Nguyễn Thị L đã trình bày không có căn cứ pháp luật nên Tòa án không xem xét. Nội dung này có thể được giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đầy đủ căn cứ và yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên các quyền, nghĩa vụ khác.

Ngày 19/9/2023, bị đơn Nguyễn Thị L kháng cáo yêu cầu xem xét lại phương thức cấp dưỡng nuôi con không trả theo tháng mà một năm nhận một lần cho đến khi con đủ 18 tuổi; xem xét lại phần giải quyết tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn kháng cáo không rút kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được về giải quyết vụ án.

Sau khi trình bày kháng cáo, căn cứ kháng cáo, ý kiến tranh luận, bị đơn Nguyễn Thị L đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo.

Nguyên đơn Lê Đình K không đồng ý với kháng cáo và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa

phát biểu ý kiến: Kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi phân tích nội dung vụ án, nội dung kháng cáo, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào diễn biến phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị L, giữ nguyên quyết định của Bản án số 56/2023/HNGĐ-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày, tranh luận của các bên đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị L làm đúng quy định của pháp luật được chấp nhận để xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, có mặt các đương sự, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được về giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Đối với quan hệ hôn nhân và giải quyết nuôi con chung, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử cho anh Lê Đình K được ly hôn chị Nguyễn Thị L và giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi con chung Lê Thị Khánh V, sinh ngày 13/10/2013, các đương sự không có kháng cáo phần này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị L về phần cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, nợ chung:

Anh Lê Đình K và chị Nguyễn Thị L thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, các bên không có thỏa thuận về phương thức cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Lê Đình K thực hiện phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con một năm một lần nhưng anh K không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L về thực hiện phương thức cấp dưỡng nuôi con một năm một lần.

Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L cho biết trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có tài sản chung là ki ốt trị giá 127.930.000 đồng và công trình vệ sinh trên đất bố mẹ chồng trị giá 45.250.000 đồng tại thôn Z, xã Tân D, huyện Đ, tỉnh H. Tòa án cấp sơ thẩm đã hai lần yêu cầu chị Nguyễn Thị L nộp chi phí thẩm định và định giá nhưng chị đều từ chối. Tuy nhiên, anh Lê Đình K thống nhất với chị L về giá trị tài sản chung này nên xác định tài sản chung vợ chồng là ki ốt và công trình vệ sinh trên đất bố mẹ chồng có tổng trị giá 173.180.000 đồng là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm giao tài sản chung là ki ốt và công trình vệ sinh trên đất bố mẹ ruột của anh Lê Đình K cho anh K quản lý và anh Lê Đình K có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Liên số tiền 86.590.000 đồng tương đương với $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là đúng quy định tại Điều 33, Điều 38, Điều 59 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L khai vợ chồng nợ chị Nguyễn Thị L1 200.000.000 đồng, nợ chị Nguyễn Thị L2 100.000.000 đồng và một số khoản nợ bên nhà ngoại. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu chị Nguyễn Thị L cung cấp địa chỉ của những người đã vay nợ nhưng chị L không cung cấp. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ để xem xét các khoản nợ mà chị Nguyễn Thị L đã khai và chị L, các đương sự có liên quan có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu là đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị L, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án dân sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị L và giữ nguyên quyết định của Bản án số 56/2023/HNGĐ-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000709 ngày 08/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 56/2023/HNGĐ-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HS, HCTP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Quang Dũng

CÁC THẨM PHÁN**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Xuân Phách Nguyễn Ngọc Hoa****Ngô Quang Dũng**